

Bắc Gia Nghĩa, ngày 02 tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHĂM SÓC - NUÔI DƯỠNG - GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT, thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non ngày 13 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ kế hoạch số 28/KH-MNSC ngày 30/09/2025 về Kế hoạch thực hiện chăm sóc giáo dục năm học 2025 - 2026;

Căn cứ kế hoạch thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2025 - 2026 của tổ khối Lá;

Căn cứ vào tình hình của lớp, của địa phương, khả năng, nhu cầu hứng thú của trẻ, của giáo viên;

Trên cơ sở đó lớp Lá 2 xây dựng Kế hoạch thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

I. Đặc điểm tình hình

Sĩ số: 26 cháu. Trong đó: Nam: 12 cháu. Nữ: 14 cháu

Dân tộc: 3 cháu.

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của ban giám hiệu cùng với chuyên môn nhà trường tạo nhiều thuận lợi cho công tác dạy và học.

Giáo viên có nghiệp vụ sư phạm, đạt trình độ trên chuẩn, yêu nghề mến trẻ, nhiệt tình trong mọi hoạt động của lớp cũng như của trường, vui vẻ, hòa đồng với mọi người xung quanh.

Lớp học thoáng mát, sạch sẽ, rộng rãi, bàn ghế an toàn đúng quy cách, được sắp xếp gọn gàng, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục đủ điều kiện để tổ chức cho trẻ hoạt động theo Chương trình GDMN;

Phụ huynh nhiệt tình, phối hợp với giáo viên trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

2. Khó khăn

Công tác giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo hướng trải nghiệm đôi khi hiệu quả chưa cao, chưa linh hoạt và sáng tạo.

Một số phụ huynh chưa nhận thức việc cho trẻ đi học muộn, đón muộn ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ và các hoạt động của lớp. Một vài cháu do sức đề

kháng yếu hay đau ốm phải nghỉ học.

Trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ còn hạn chế. Một số đồ dùng đồ chơi bị hư hỏng nhiều.

II. Nhiệm vụ chung

Chủ đề năm học 2025 - 2026 “Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”.

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác, chất lượng, đảm bảo dân chủ, kỷ cương nền nếp. Có giải pháp phù hợp, kịp thời để tham mưu với tổ, chuyên môn thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao trong nhà trường.

2. Nghiêm túc thực hiện công tác bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ em. Tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN;

Tuyên truyền, với phụ huynh tạo điều kiện cho trẻ em mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo quy định.

Thực hiện chủ đề năm học “Kỷ cương, sáng tạo, đột phá và phát triển” gắn với phong trào thi đua “Xây dựng lớp mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm”, đồng thời nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”.

3. Phối hợp và thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi tại địa phương, đến trường đến lớp.

4. Thực hiện các giải pháp huy động trẻ đến trường, lớp mầm non. Nâng cao chất lượng, phát triển trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu đổi mới; xây dựng, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng;

5. Duy trì, nâng cao chất lượng GDMN cho trẻ, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng trẻ em mầm non, quan tâm đến đối tượng là trẻ là người dân tộc thiểu số (DTTS) gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số (CĐS); Công tác tuyên truyền về GDMN trong công tác giảng dạy.

7. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền và đúng quy định.

III. Nhiệm vụ cụ thể và các biện pháp thực hiện

1. Nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ

1.1 Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

Chủ động, sẵn sàng thích ứng linh hoạt với tình hình thiên tai, dịch bệnh; đảm bảo về thể chất và tinh thần cho trẻ.

Thực hiện nghiêm quy định về công tác phòng chống bạo hành trẻ em, bảo đảm an toàn cho trẻ về thể chất và tinh thần. Đầu năm học lớp chủ động tổ chức rà soát các tiêu chí về lớp học an toàn phòng chống tai nạn thương tích theo quy định tại Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021.

Tích cực lồng ghép hiệu quả trong tổ chức bồi dưỡng chuyên môn kiến thức pháp luật liên quan công tác bảo đảm an toàn cho trẻ em; chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ em. Lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng cháy, chữa cháy cho trẻ phù hợp với khả năng của trẻ bằng các hoạt động trải nghiệm.

1.2. Đổi mới hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

1.2.1. Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ

Thực hiện nghiêm công tác tổ chức nuôi dưỡng theo quy định về số bữa ăn, nhu cầu dinh dưỡng, phân bố bữa ăn phù hợp và theo tình hình thực tế của nhóm lớp. Không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm, bạo hành trẻ, trong quá trình thực hiện nếu xảy ra vấn đề gì kịp thời báo về ban giám hiệu kịp thời.

Tổ chức bữa ăn tại lớp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Phối hợp với bộ phận bán trú thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định, bảo đảm 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng (sổ theo dõi sức khỏe) bằng biểu đồ tăng trưởng; phối hợp với cha mẹ trẻ thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em.

Thường xuyên giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự phục vụ, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; lồng ghép nội dung giáo dục dinh dưỡng, sức khỏe, phòng, chống tai nạn thương tích trong thực hiện chế độ sinh hoạt hằng ngày phù hợp với lứa tuổi của trẻ, điều kiện thực tế của lớp;

Đặc biệt năm học 2025 - 2026 tăng cường lồng ghép giáo dục phát triển vận động và dinh dưỡng để phát triển thể chất, thể lực cho trẻ em. Bảo đảm hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn.

1.2.2. Đổi mới tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ

Thực hiện Chương trình GDMN. Chú trọng cảnh quan môi trường vật chất luôn Sáng, xanh, sạch, đẹp, thân thiện, hạnh phúc và môi trường tinh thần trẻ luôn được hiểu, được yêu thương, được tôn trọng. Có nhiều không gian cho trẻ hoạt động ngoài trời.

Năm học 2025 - 2026, lồng ghép “giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em” bảo đảm điều kiện, giáo dục, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Tham gia các hoạt động thực hành, các hoạt động trải nghiệm giáo dục kiến thức an toàn giao thông, phát động phong trào như “Cổng trường an toàn”, “An toàn giao thông là nụ cười trẻ thơ”..., phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ....Tạo cơ hội cho trẻ “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”, “Học bằng chơi, chơi mà học”.

Tăng cường các hoạt động trải nghiệm ngoài trời cho trẻ phù hợp với điều kiện thời tiết và điều kiện cơ sở vật chất của lớp. Phát huy hiệu quả các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cũng như điều kiện tự nhiên hiện sẵn có để giúp trẻ có cơ hội phát triển toàn diện.

Tích cực lồng ghép và thực hiện các hoạt động trải nghiệm cho trẻ như: Rung chuông vàng, họa sĩ tí hon, Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo, ngày hội thể thao của bé...

Tăng cường lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả trong tổ chức thực hiện Chương trình GDMN: giáo dục quyền con người, giáo dục giới, an toàn giao thông, kỹ năng sống, xanh, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu...

2. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

*** Đối với giáo viên**

Thực hiện tích cực Cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”. Năng động, sáng tạo trong công việc, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất lối sống.

Vận dụng phương pháp giáo dục phù hợp với trẻ, giáo dục trẻ các hành vi văn minh, phát huy tính tích cực và mạnh dạn của trẻ tham gia vào các hoạt động học tập, vui chơi.

Tâm huyết với nghề, soạn giảng đúng quy định theo phân phối chương trình. Thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, có cải tiến phương pháp soạn giảng, phương pháp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo chương trình GDMN, lên lớp đúng giờ giấc, đảm bảo ngày giờ công cao. Đón và trả trẻ đúng thời gian quy định.

Có ý thức tự học, tự rèn. Tích cực tham gia thao giảng, dự giờ, các Hội thi do trường cũng như ngành tổ chức.

Xây dựng lớp học hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm, an toàn thân thiện. Xây dựng tốt mối quan hệ thân thiện giữa cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh.

Kiểm tra hồ sơ sổ sách: 3 lần/năm

Thao giảng: 2 tiết/ năm/1 giáo viên.

Mỗi giáo viên phải dự giờ đồng nghiệp được 20 tiết/ năm học

Thực hiện và ứng dụng CNTT vào soạn giảng

Tham gia sinh hoạt tổ chuyên môn: 2 lần/ tháng

Tham gia hội thi “Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo”

Tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường. (nếu có).

Đảm bảo an toàn, không xảy ra tai nạn thương tích cho trẻ

Thực hiện học tập BDTX có kết quả tốt.

*** Biện pháp**

Xây dựng kế hoạch năm, tháng, tuần phù hợp đặc điểm tình hình khả năng của trẻ, phát huy năng lực sáng tạo của mình, tự học, tự rèn các kỹ năng cần thiết cho hoạt động giảng dạy, mạnh dạn đổi mới tổ chức môi trường giáo dục trong hoạt động và ngoại khóa.

Ổn định nề nếp dạy và học, tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi, lập kế hoạch giảng dạy phù hợp chủ đề, phù hợp độ tuổi trẻ.

Tuyên truyền tới phụ huynh, động viên trẻ đi học chuyên cần, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần cho trẻ.

Tăng cường kiểm tra việc bổ sung đồ dùng đồ chơi tự tạo, trang trí lớp học, đảm bảo an toàn tuyệt đối, đảm bảo vệ sinh, đảm bảo tính khoa học, thẩm mỹ và mang tính giáo dục cao để thu hút trẻ đến trường, lớp.

Thường xuyên và duy trì tốt mối quan hệ mật thiết với phụ huynh, với trẻ được đối xử công bằng tuyệt đối không được xâm phạm nhân cách trẻ.

Phối hợp tham mưu với chuyên môn xây dựng môi trường ngoài trời, để trẻ được hoạt động trong môi trường tự nhiên, chú trọng giáo dục trẻ lòng yêu thiên nhiên, và hình thành thói quen bảo vệ môi trường trong trẻ.

Tham gia các hội thi do nhà trường và cấp trên tổ chức.

Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao nhận thức về phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm, phương pháp montessori, steam...

Lựa chọn mục tiêu nội dung phù hợp với độ tuổi, tình hình thực tế lớp học, của trẻ để đưa ra phương pháp dạy phù hợp.

Thường xuyên làm đồ dùng đồ chơi có sự tham gia của trẻ. Thay thế, bổ sung đồ dùng đồ chơi các góc chơi thường xuyên để tạo hứng thú cho trẻ.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học.

Xây dựng một môi trường tâm lý thoải mái, gần gũi với trẻ khi trẻ đến lớp.

*** Đối với trẻ**

Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng

100% trẻ được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin.

100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ từ 1 - 2 lần/năm, hàng quý có cân đo theo dõi biểu đồ phát triển của trẻ.

Phát triển chiều cao:

Tỉ lệ trẻ phát triển chiều cao bình thường: 95 – 97%

Phát triển cân nặng:

Tỷ lệ trẻ phát triển cân nặng bình thường: 96 – 98%

90 – 100% trẻ có thói quen giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh tập thể...

Công tác giáo dục

Trẻ độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo ra lớp: đạt 92%.

Tỷ lệ chuyên cần: đạt 85 - 95%

Duy trì sĩ số học sinh các độ tuổi đạt 90-95%.

90 – 100% trẻ ngoan ngoãn, lễ phép, biết thương yêu, giúp đỡ mọi người, 100% trẻ được lồng ghép giáo dục kỹ năng sống thông qua các hoạt động hàng ngày.

Trẻ được đánh giá theo 5 lĩnh vực phát triển theo chương trình giáo dục mầm non: Đạt trên 80%

Có 1-5 trẻ/lớp tham gia hội thi “Cô và bé với đồ dùng, đồ chơi tự tạo” cấp trường.

Trẻ tham gia các hoạt động trải nghiệm: Trưng thu của bé, Chiến sỹ tí hon, hội xuân, ngày hội thể thao của bé, rung chuông vàng, tham quan trường tiểu học....

Trẻ tham gia học tiếng anh và Earobic do nhà trường phối hợp với các trung tâm.

*** Biện pháp**

Thường xuyên quan sát, kiểm tra số lượng trẻ ở các thời điểm trong ngày.

Tham gia các hoạt động, hội thi do nhà trường tổ chức

Phối hợp với Trung tâm Tiếng Anh Supemair cho trẻ làm quen với anh văn trong trường Mầm non.

Phối hợp với trung tâm Stakid cho các bạn có năng khiếu học nhảy

Theo dõi, kiểm tra đánh giá các lĩnh vực qua đánh giá cuối chủ đề

Tuyên truyền phụ huynh bổ sung đầy đủ tiêm các mũi vacxin cho trẻ kịp thời. Động viên, khuyến khích trẻ ăn uống đầy đủ chất, giữ gìn vệ sinh cá nhân sạch sẽ, đảm bảo an toàn.

Tham mưu với bộ phận phụ trách bán trú đảm bảo dinh dưỡng cho từng độ tuổi trẻ, phù hợp với khẩu phần ăn, sở thích của trẻ, đảm bảo trẻ ăn ngon miệng, hết xuất. Có biện pháp phòng bệnh cho trẻ kịp thời khi giao mùa và có dịch bệnh.

Tăng cường cho trẻ hoạt động trải nghiệm và làm đồ dùng đồ tự tạo phát huy khả năng sáng tạo cho trẻ mọi lúc mọi nơi.

Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi lồng ghép thông qua các hoạt động hàng ngày. Suu tầm các bài thơ, câu đố, câu chuyện, hò, vè, ca dao... đưa vào nội dung hoạt động, đặc biệt coi trọng phương pháp lấy trẻ làm trung tâm, khuyến khích tạo cơ hội để trẻ được thể hiện, được bộc lộ hết khả năng theo yêu cầu đề ra.

3. Tham gia tuyên truyền kiến thức chăm sóc giáo dục cho cha mẹ trẻ

Phối hợp tốt giữa giáo viên và gia đình trong việc chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, tổ chuyên môn các lớp thường xuyên trao đổi thông tin với phụ huynh để nắm bắt tình hình của trẻ và thể hiện trên sổ trao đổi với phụ huynh.

Giáo viên thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ, làm tốt công tác tuyên truyền bằng nhiều lĩnh vực: Bảng tin, loa đài, thông tin tuyên truyền trực tiếp, qua zalo nhóm lớp, các giờ đón trả trẻ, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền.

Phối hợp với phụ huynh thường xuyên tham gia vào các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ với các hoạt động thiết thực cho trẻ học tập, tham quan, trải nghiệm

*** Biện Pháp**

Lớp xây dựng góc tuyên truyền phong phú, đa dạng các nội dung để phụ huynh nắm bắt được các hoạt động của con em mình.

Thường xuyên truy cập thông tin GDMN, Internet và từ tạp chí, thông tin của ngành, của địa phương để đa dạng hóa hình thức tuyên truyền.

Tuyên truyền qua tranh ảnh, vật thật đến cha mẹ trẻ để hiểu và phối kết hợp với nhà trường trong công tác CSGD trẻ được tốt hơn.

4. Thực hiện các chuyên đề trọng tâm trong năm học

Tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”

Thực hiện các chuyên đề trọng tâm do SGD&ĐT tập huấn. Nâng cao chất lượng chăm sóc toàn diện trẻ mầm non theo hướng kết hợp dinh dưỡng, thực hành thói quen vệ sinh với tăng cường vận động. Ứng dụng CNTT vào trong quá trình giảng dạy

Lồng ghép “giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em” bảo đảm điều kiện, thời gian tổ chức các hoạt động cho trẻ ở ngoài trời và trong lớp theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.

Phối hợp với GV trong lớp XD chương trình GD riêng và phát huy thế mạnh của mình, đảm bảo là chương trình mở, được xây dựng theo hướng tiếp cận mục tiêu, của tổ khối và có tính khả thi. Áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình GD tiên tiến phù hợp với điều kiện, nhiệm vụ của lớp. Lựa chọn, bổ sung những nội dung, PPGD Steam lồng ghép phù hợp với quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDMN, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, lớp, khả năng và nhu cầu của trẻ.

Về hoạt động giáo dục steam...khuyến khích giáo viên sáng tạo lồng ghép ở 1-2 HĐ trong kế hoạch tuần ở một số chủ đề cho phù hợp với khả năng của cô và để gây hứng thú cho trẻ. Tham khảo và soạn theo quy trình 5E, IDP...và có thể xác định ít nhất 2 thành tố như S, T, E, A, M....

Tăng cường lồng ghép các chuyên đề giáo dục biển và hải đảo, bảo vệ và phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường, quê hương đất nước, giáo dục sử

dụng năng lượng tiết kiệm, giáo dục an toàn giao thông. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan qua các ngày lễ, hội, lồng ghép các nội dung giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ bình đẳng giới...Giáo dục lồng ghép kỹ năng sống, đa văn hóa vào cá

* **Biện pháp:** Thực hiện chuyên đề, tham gia dự giờ, tham quan học hỏi, lồng ghép trong tất cả các hoạt động giáo dục trẻ.

Tham khảo, nghiên cứu thêm tài liệu hướng dẫn, tích cực dự giờ, chia sẻ, thảo luận, góp ý qua các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Tạo điều kiện cho trẻ được thực hành trên máy qua các chương trình trò chơi thông qua các hoạt động để trẻ được tiếp xúc.

Tiếp tục sử dụng hiệu quả phần mềm lưu trữ hồ sơ, soạn giảng trên phần mềm fboto, edubot...

Tham gia các khoá tập huấn, bồi dưỡng trên nền tảng số, thiết kế giáo án điện tử, số hoá tài liệu, học liệu và các nội dung giáo dục, hướng dẫn hỗ trợ cha mẹ trẻ trong công tác chăm sóc, giáo dục.

Thường xuyên trao đổi thông tin với phụ huynh về tình hình hoạt động của cô, trẻ ở lớp mình phụ trách thông qua các kênh zalo, trang web, facebook ...

*** Biện pháp**

Bố trí thời gian tham gia các khóa học bồi dưỡng kỹ năng về tin học; cho trẻ thực hành trên máy thường xuyên. Tham khảo một số phần mềm hướng dẫn trên internet....

6. Thực hiện học bồi dưỡng thường xuyên

Giáo viên thực hiện học chương trình bồi dưỡng thường xuyên trong 120 tiết; Nội dung 1 = 40 tiết; Nội dung 2 = 40 tiết; Nội dung 3 = 40 tiết.

Giáo viên tự xây dựng kế hoạch học BDTX của mình

Phấn đấu kết quả hoàn thành kế hoạch loại giỏi.

*** Biện pháp**

Nghiêm túc học tập bồi dưỡng thường xuyên, luôn cập nhật kiến thức về chính trị, kinh tế - xã hội, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, phát triển năng lực dạy học, năng lực giáo dục và những năng lực khác theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng năng lực tổ chức, quản lý hoạt động tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của bản thân.

7. Tham gia các ngày hội, ngày lễ, hoạt động tham qua trải nghiệm

Phối hợp với nhà trường, các đoàn thể cho trẻ tham quan, trải nghiệm như tham quan Doanh trại bộ đội...

Chủ đề trường mầm non gắn với ngày hội bé đến trường và tết trung thu

Chủ đề gia đình gắn với ngày phụ nữ Việt nam 20/10

Chủ đề nghề nghiệp gắn với ngày nhà giáo Việt nam 20/11, ngày thành lập quân đội nhân dân Việt nam 22/12

Chủ đề Tết và mùa xuân gắn với ngày hội ẩm thực

Chủ đề thực vật gắn với ngày hội 8/3

Chủ đề quê hương gắn với ngày sinh nhật Bác 19/5, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6

*** Biện pháp:** Tích cực tham gia và tập luyện văn nghệ, các trò chơi cho cô và trẻ, chuẩn bị đồ dùng cho trẻ tham quan trải nghiệm qua các ngày hội, ngày lễ cùng như các phong trào do nhà trường, cấp trên tổ chức.

8. Viết sáng kiến kinh nghiệm

Tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm cấp trên phát động (nếu có)

*** Biện pháp**

Nghiên cứu đầy đủ các văn bản theo quy định về hướng dẫn viết sáng kiến

Nghiên cứu chọn đề tài sát thực với đặc điểm tình hình của lớp.

9. Đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp

Tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT

*** Biện pháp**

Bồi dưỡng về công tác đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non từ đầu năm, xác định việc phân đấu theo chuẩn.

Tích cực tự học, tự rèn, tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, trau dồi phẩm chất đạo đức nhà giáo...

10. Đăng ký thi đua cuối năm

Chỉ tiêu của lớp: Lớp xuất sắc

Chỉ tiêu thi đua: Cô: Nguyễn Thị Kim Lộc: Chiến sĩ thi đua

Cô: Trần Thị Bích Phương: Chiến sĩ thi đua

IV. Mục tiêu - Nội dung giáo dục

*** Mục tiêu**

Giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một, hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống phù hợp cần thiết với lứa

tuổi, khơi dậy những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp tiếp theo.

*** Yêu cầu**

Nội dung bảo đảm tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó, bảo đảm tính liên thông giữa các độ tuổi, thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với kinh nghiệm của trẻ.

Nội dung phù hợp với sự phát triển tâm sinh lí của trẻ, hài hòa giữa chăm sóc và giáo dục, phát triển cơ thể cân đối, giúp trẻ biết kính trọng, yêu mến ông bà, cha mẹ, thầy cô, anh chị em, bạn bè, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích, ham hiểu biết cái đẹp, thích đi học.

Phương pháp giáo dục thể hiện sự yêu thương, gần bó, gần gũi. Tạo điều kiện cho trẻ trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu hứng thú với phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới cách tổ chức nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, thử nghiệm và sáng tạo.

Tổ chức hợp lí các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm và cả lớp, phù hợp với độ tuổi, thực tế của lớp, với nhu cầu và hứng thú của trẻ.

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

- Phát triển thể chất

Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.

Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

- Phát triển nhận thức

Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- Phát triển ngôn ngữ

Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)

Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội

Có ý thức về bản thân.

Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Phát triển thẩm mỹ

Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

*** Dự kiến mục tiêu - Nội dung giáo dục**

TTMT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1	MT 1: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).

	đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.
2	MT 2: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m) - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. - Đi trên dây (dây đặt trên sàn) đi trên ván kê dốc. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Đi bước qua chướng ngại vật.
3	MT 3: Kiểm soát được vận động.	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đích theo hiệu lệnh. + Chạy chậm khoảng 100 – 120m + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).
4	MT 4: Phối hợp tay, mắt trong vận động.	- Tung, ném, bắt, bước: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Tung bóng qua dây + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.

		+ Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay. + Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay. + Ném xa bằng hai tay- chạy nhanh 15m. + Ném bóng trúng đích (70-100 cm) + Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Chuyên bóng bên phải, bên trái - chạy chậm 100m. + Bước lên, xuống bậc cao ghế.
5	MT 5: Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	- Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4-5 m. + Bò bằng khuỷu tay, khuỷu chân theo đường hẹp. + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 giống thang. - Bật: + Bật qua vật cản cao 15 - 20 cm. + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. - Nhảy: + Nhảy lò cò 5 m. + Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục và đổi chân theo yêu cầu.
6	MT 6: Thực hiện được các vận động.	- Tự cài, cởi cúc, kéo khoá, khâu, luồn, buộc dây. - Cho trẻ thực hiện các loại cử động bàn tay, ngón tay, cổ tay, bẻ, nắn, thông qua các hoạt động: Thể dục, vẽ, múa, vận động...
7	MT 7: Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt trong một số hoạt động .	- Vẽ, đồ theo nét, sao chép chữ cái, chữ số. - Xé, cắt đường viền, vòng cung... - Lắp ráp, xếp chồng 12 – 15 khối - Ghép và dán các hình đã cắt

		- Dán các hình vào đúng vị trí.
8	MT 8: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm.	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. + Giàu chất đạm: Thịt, cá, trứng sữa + Giàu chất béo: Dầu các loại đậu + Giàu chất bột đường: Gạo, bắp, ngô khoai sắn... + Giàu vitamin và muối khoáng: Trong rau, củ quả...
9	MT 9: Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Kể tên được một số món ăn hàng ngày ở lớp, ở gia đình... - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống: + Thịt có thể luộc, rán, kho + Gạo nấu cơm, nấu cháo... + Rau có thể luộc, nấu canh
10	MT 10: Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất để đảm bảo sức khỏe. - Không ăn, uống những thứ có hại cho sức khỏe : + Trẻ nhận biết được một số đồ ăn, đồ uống không tốt cho sức khỏe như: Các đồ ăn ôi thiu, rau quả khi chưa rửa sạch, nước lã, rượu, bia,... + Nhận ra được dấu hiệu của một số đồ ăn, bị nhiễm bẩn, ôi thiu, không rõ nguồn gốc...
11	MT 11: Thực hiện được một số việc đơn giản.	- Tự mặc được quần áo đúng cách và cất đúng nơi quy định. - Tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. - Khi rửa tay không vẩy nước ra ngoài, không làm ướt quần áo - Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng đúng theo quy trình. - Có thói quen che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp ở mọi lúc, mọi nơi. - Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ

		- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
12	MT 12: Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Lựa chọn và sử dụng đồ dùng ăn uống phù hợp.
13	MT 13: Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống.	- Ngồi đúng vị trí, không làm rơi vãi thức ăn - Biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để đảm bảo sức khỏe. - Biết mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn. - Ăn hết khẩu phần của mình - Biết ăn quà vặt, uống nước là không tốt cho sức khỏe.
14	MT 14: Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể: + Rèn luyện thói quen vệ sinh răng miệng hàng ngày + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. + Rèn thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định + Vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con + Biết nhắc nhở bạn cùng vệ sinh răng miệng + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. + Biết bỏ rác đúng nơi qui định + Không nhổ bậy ra lớp, nơi công cộng... + Nghỉ ngơi, ngủ đúng giờ để đảm bảo sức khỏe. + Biết tự đắp chăn khi trời lạnh.
15	MT 15: Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối quan hệ nguy hiểm khi đến gần; không nghịch	- Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng ...là những vật dụng nguy hiểm - Không nghịch các vật sắc, nhọn: Như dao, kéo...

	các vật sắc nhọn.	
16	MT 16: Biết những nơi như: Ao, hồ, bể chứa nước, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	- Biết phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng như: Ao, hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...nơi mất vệ sinh không đến gần...
17	MT 17: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.	- Biết không được cười đùa khi ăn, uống những loại quả có hạt - Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Biết và không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe - Nhận ra sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
18	MT 18: Nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, nổ, có bạn, bị rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn : + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
19	MT 19: Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	- Khi ở gia đình phải nghe lời người thân, không tự ý đi chơi, không ra ngoài đường một mình... - Khi ở trường về nhà, không tự ý đi chơi, không đi theo người lạ, nhận quà của người lạ khi không được phép của cô giáo... - Ở nơi công cộng: Không leo trèo cây, ban công, tường rào, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy...đi sang đường phải có người lớn dắt.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

20	MT 20: Tò mò, tìm tòi, khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh như: Đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng: “ Tại sao có mưa”	+ Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa, đặc điểm của các mùa nơi trẻ sống. + Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Trẻ quan sát bầu trời và dự đoán sắp có mưa, hay nắng... + Sự khác biệt của các mùa trong năm..
21	MT 21: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	+ Trẻ thảo luận về đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. + Biết sắp xếp và gọi tên nhóm cây, con vật theo đặc điểm chung như: nhóm cây ăn quả, nhóm cây dây leo...; nhóm gia súc, nhóm gia cầm...
22	MT 22: Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển...So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây
23	MT 23: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	- Xem sách, tranh ảnh, video... - Chia sẻ và thảo luận về các thông tin thu thập được - Giải quyết các vấn đề bằng nhiều cách
24	MT 24: Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- So sánh, phân loại các đối tượng theo 2-3 dấu hiệu khác nhau. - Hoàn thành các bài tập, trò chơi phân nhóm theo 2-3 dấu hiệu. - Làm các bài tập, trò chơi tìm đối tượng không

		cùng nhóm. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.
25	MT 25: Phân loại một số sự vật thành nhóm theo đặc điểm chung và gọi tên nhóm (CS 51).	- Quan sát và nhận biết một số đặc điểm nổi bật của sự vật (màu sắc, hình dạng, kích thước, chất liệu, công dụng...). - Thực hiện phân loại sự vật theo một đặc điểm chung (ví dụ: nhóm đồ chơi bằng nhựa, nhóm quả màu đỏ, nhóm hình tròn...). - Gọi tên nhóm sau khi phân loại (ví dụ: nhóm hoa, nhóm quả, nhóm con vật, nhóm đồ dùng học tập...). - So sánh, nói được sự giống nhau và khác nhau giữa các nhóm sự vật. - Tham gia các trò chơi, hoạt động học tập có nội dung phân loại sự vật theo nhóm.
26	MT 26: Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
27	MT 27: Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Trẻ biết xử lý, thương lượng, trao đổi một số vấn đề trong các hoạt động.
28	MT 28: Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Mặt trời, mặt trăng... - Phân biệt điểm giống và khác nhau, của các đối tượng được quan sát. (Con vật, đồ vật, con người...)
29	MT 29: Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Nêu ý kiến của bản thân thông qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình - Các hoạt động giáo dục.
30	MT 30: Thể hiện kỹ	- Nhận biết tình huống có vấn đề khi sử dụng công

	năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số (CS 54).	nghệ số trong sinh hoạt hằng ngày (ví dụ: máy tính bảng không mở được, điện thoại hết pin, không tìm thấy nút bấm...). - Biết trao đổi, chia sẻ với người lớn khi gặp khó khăn để tìm giải pháp phù hợp.
31	MT 31: Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: Bao nhiêu? Đây là mấy?....	- Lấy và đếm đồ dùng, đồ chơi. - Đặt câu hỏi cái gì ? Mấy ? Là mấy ? Có bao nhiêu ? Số mấy ?... - Thích đếm và hay đếm trên mọi đối tượng.
32	MT 32: Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Đếm theo khả năng của trẻ. - Đếm, so sánh, thêm bớt số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: + Bằng nhau + Nhiều nhất + ít hơn + ít nhất
33	MT 33: Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
34	MT 34: Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
35	MT 35: Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống	- Biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...)

	hàng ngày.	
36	MT 36: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
37	MT 37: Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc. - Nói được cách sắp xếp theo ý thích và khả năng. - Tạo ra một số qui tắc sắp xếp. bằng các cách khác nhau.
38	MT 38: Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
39	MT 39: Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - So sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa hai khối. - Nói được hình dạng tương tự của một số đồ chơi, đồ vật quen thuộc khác (Ví dụ quả bóng có hình dạng quả cầu, cái tủ hình khối...)
40	MT 40: Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
41	MT 41: Gọi đúng tên các thứ trong tuần các mùa trong năm.	- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự. - Nói được ngày đầu tuần và ngày cuối tuần - Nói được trong tuần ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà - Biết hôm qua, hôm nay, ngày mai - Gọi tên các thứ, ngày trong tuần. - Gọi đúng tên và phân biệt rõ các mùa trong năm: Xuân, hạ, thu đông.

42	MT 42: Xác định giờ đúng trên đồng hồ (CS 49).	- Nhận biết được cấu tạo đơn giản của đồng hồ (mặt số, kim ngắn, kim dài). - Hiểu ý nghĩa của kim ngắn chỉ giờ, kim dài chỉ phút. - Xác định được giờ đúng (1 giờ, 2 giờ, ... 12 giờ) trên đồng hồ kim hoặc đồng hồ điện tử.
43	MT 43: Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
44	MT 44: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Nhu cầu của gia đình.
45	MT 45: Nói địa chỉ gia đình, số nhà, đường phố, thôn, xóm, số điện thoại...khi được hỏi trò chuyện.	- Trẻ nói địa chỉ gia đình: + Số nhà, đường phường/TP/tỉnh...), + Số điện thoại gia đình, người thân...
46	MT 46: Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên (CS 50).	- Trẻ biết kể tên địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống: Công viên, trường học, chợ, bệnh viện, siêu thị.... - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật và cây... - Một số đặc điểm, tính chất của nước. Không khí, các nguồn nước, ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
47	MT 47: Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Trẻ mô tả những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non. + Biết tên trường, lớp + Địa chỉ của trường + Các hoạt động được tổ chức trong trường, lớp

48	MT 48: Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo, các cô bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. + Biết tên cô hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, y tế, kế toán, bảo vệ, bảo mẫu...các cô giáo và công việc của từng người.
49	MT 49: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, đặc điểm, sở thích của các bạn - Trò chuyện về các bạn ở lớp - Biết tên, đặc điểm của các bạn nổi bật trong lớp.
50	MT 50: Nói đặc điểm và sự khác nhau của 1 số nghề.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Trẻ biết được nghề nông làm ra nhiều sản phẩm như: lúa gạo,...nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới.
51	MT 51: Giải thích mối quan hệ giữa đặc điểm của một số loài động vật, thực vật...với môi trường sống (CS 52).	- Quan sát và nhận biết một số đặc điểm cơ bản của động vật, thực vật (màu sắc, hình dáng, bộ phận, tập tính...). - Nhận biết môi trường sống quen thuộc của chúng (trên cạn, dưới nước, trong không khí...). - Giải thích được mối quan hệ giữa đặc điểm với môi trường sống - Tham gia hoạt động khám phá khoa học, trò chơi phân loại – ghép đôi động vật, thực vật với môi trường sống phù hợp
52	MT 52: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước: + Trẻ biết ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên
53	MT 53: Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Tên gọi, đặc điểm, nét đặc trưng của các danh lam, thắng cảnh ở địa phương: Thác 5 tầng, Tà Đùng, chùa,...Tham quan đài tưởng niệm các Anh hùng Liệt sĩ. - Khám phá một số danh lam thắng cảnh của Đất nước: Lăng Bác, Tràng An, Ninh Bình, Cố Đô

		Huế, Phong Nha Kẻ Bàng, Vịnh hạ Long....
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
54	MT 54: Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp + Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái A đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ B đứng sang bên trái. - Không nói ngọng, nói lắp - Nói đủ câu để người khác hiểu được.
55	MT 55: Hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. + Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ - Đàm thoại, trò chuyện, trao đổi, nhận xét. - Các hoạt động giáo dục (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..)
56	MT 56: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Biết lắng nghe và trao đổi, đưa ra ý kiến của bản thân và nhận xét các ý kiến với người đối thoại.
57	MT 57: Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự - Kể lại sự việc đã nghe, thấy một cách rõ ràng, theo trình tự cho người khác - Kể có minh họa động tác, hình ảnh.
58	MT 58: Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...phù hợp với ngữ cảnh.	- Biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh
59	MT 59: Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
60	MT 60: Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.

	thái,... của nhân vật.	
61	MT 61: Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
62	MT 62: Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Kể truyện sáng tạo theo khả năng và ý thích của mình
63	MT 63: Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai các nhân vật trong các câu chuyện theo chủ đề, đề tài, hoạt cảnh. - Tổ chức hoạt động đóng kịch. - Cho trẻ thể hiện các vai của một số nhân vật trong truyện.
64	MT 64: Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.	- Lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
65	MT 65: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. - Điều chỉnh được cường độ giọng nói lên , xuống, to, nhỏ phù hợp với tình huống với ngữ cảnh.
66	MT 66: Chọn sách để “đọc” và xem. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.?	- Thích xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn, bảo vệ sách. - Chọn sách xem và đọc phù hợp với độ tuổi - Hướng đọc: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.

67	MT 67: Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo tranh minh họa. - Kể chuyện sáng tạo của trẻ. - Kể chuyện theo đồ vật
68	MT 68: Nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
69	MT 69: Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái. + Qua các trò chơi + Qua các thẻ chữ cái + Chữ cái có trong từ, trong thơ, truyện... - Phát âm chính xác các chữ cái đã học
70	MT 70: Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
71	MT 71: Thích và có hành vi phù hợp với việc vẽ, “viết” (CS 40).	- Thể hiện hứng thú khi tham gia các hoạt động vẽ hoặc “viết” (tô màu, vẽ tranh, vẽ theo mẫu, vẽ tự do, tập tô, đồ chữ...). - Biết cách cầm bút, sử dụng giấy, bảng hoặc các dụng cụ vẽ/“viết” đúng cách. - Giữ gìn dụng cụ vẽ, bút, giấy, không làm hỏng hoặc vẽ bậy lên đồ vật không phù hợp. - Hoàn thành sản phẩm vẽ hoặc “viết” theo khả năng của bản thân. - Chia sẻ sản phẩm với bạn bè, người lớn và cất giữ đúng nơi quy định.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
72	MT 72: Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà, số điện thoại.	- Trẻ nói tên, tuổi, giới tính của bản thân của mình khi được hỏi và trò chuyện trong giao tiếp. - Nói đầy đủ họ tên của bố mẹ, biết được địa chỉ gia đình ở đường, tổ, phường, TP, tỉnh....

73	MT 73: Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Vị trí trách nhiệm của bản thân trong lớp học.
74	MT 74: Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)
75	MT 75: Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình. - Yêu mến bố mẹ, cô giáo, người thân... - Quan tâm giúp đỡ đến người thân trong gia đình. - Giúp cô một số việc vừa sức khi được giao nhiệm vụ
76	MT 76: Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...). - Tự giác làm một số việc đơn giản mà không cần sự nhắc nhở của người lớn
77	MT 77: Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động, công việc được giao. - Thích thú khi hoàn thành công việc được giao
78	MT 78: Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
79	MT 79: Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.

80	MT 80: Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn và người thân
81	MT 81: Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Nhận ra Bác Hồ qua hình ảnh, video, sách báo, ti vi... - Một số địa điểm gắn với hoạt động công việc, nơi ở của Bác : Bên nhà rồng, quê Bác, khu di tích Pác bó.....
82	MT 82: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Tự tin thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
83	MT 83: Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp. - Một số lễ hội, nét văn hóa truyền thống của quê hương, đất nước thông qua : + Trò chuyện + Xem tranh ảnh họa báo, ti vi + Tham quan du lịch...
84	MT 84: Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Chấp hành tốt một số quy định : + Khi ở lớp biết nghe lời cô, trật tự khi ăn, khi ngủ, cất dọn đồ dùng sau khi hoạt động, cất đúng nơi quy định... + Khi ở gia đình biết vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép... + Nơi công cộng biết đi bên phải lề đường...giữ gìn vệ sinh chung, không ồn ào, xô đẩy.
85	MT 85: Phản ánh với mọi người xung quanh đúng sự việc xảy ra. (CS 27).	- Trẻ biết kể lại hoặc nói cho người khác nghe chính xác điều mình đã nhìn thấy, nghe thấy hoặc trải qua, không thêm bớt, không bịa đặt. - Bắt chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau.

86	MT 86: Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự khi được quan tâm và giúp đỡ.
87	MT 87: Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. Biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng ý kiến của người khác, chăm chỉ khi cô, bạn đang nói. - Biết hợp tác, chấp nhận, vui vẻ hòa đồng trong các hoạt động. Có ý thức tuân theo trật tự, chờ đến lượt tham gia hoạt động (xếp hàng, chia quà...) - Biết nhắc nhở các bạn chờ đến lượt
88	MT 88: Thích ứng với các hoạt động trong môi trường xã hội gần gũi. (CS 25).	- Trẻ biết tham gia và hòa nhập với các hoạt động diễn ra xung quanh trong gia đình, lớp học, trường học hoặc cộng đồng gần gũi (Ví dụ: Chơi cùng bạn, chào hỏi người lớn, tham gia văn nghệ, lễ hội, trò chơi tập thể...)
89	MT 89: Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	+ Lắng nghe ý kiến của người khác + Biết trao ý kiến của mình với bạn... + Biết thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn trong các hoạt động...
90	MT 90: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”. - Biết chia sẻ đồ dùng đồ chơi khi chơi cùng nhau - Không tranh giành đồ chơi. - Chấp nhận nhường nhịn để giải quyết vấn.
91	MT 91: Nhận biết thể hiện thái độ phù hợp với người khác và môi trường (CS 22).	- Trẻ nhận biết được hành vi, thái độ phù hợp và chưa phù hợp khi giao tiếp với người khác - Trẻ biết thể hiện thái độ tôn trọng, hợp tác với bạn bè, người lớn. - Trẻ nhận biết được hành vi đúng và sai đối với môi trường. - Trẻ thể hiện hành vi bảo vệ môi trường phù hợp với lứa tuổi
92	MT 92 : Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác. (CS 29)	- Rèn tính trung thực, trách nhiệm và tạo niềm tin với người khác.

93	MT 93: Thể hiện hành vi ứng xử văn hóa với người khác và môi trường .(CS 23).	- Phân biệt người lạ người quen. - Không theo khi người lạ rủ. - Xin phép người thân khi nhận quà của người lạ. - Kêu cứu, kêu người giúp đỡ khi bị người lạ ép đi theo. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng sai và tốt, xấu
94	MT 94: Bỏ rác đúng nơi quy định. Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	- Rèn thói quen bỏ rác đúng nơi quy định - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
95	MT 95: Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường.	- Biết nhắc nhở người khác cùng thực hiện như: + Không xả rác bừa bãi, + Không bẻ cành, hái hoa... + Biết thu dọn đồ dùng đồ chơi sạch sẽ, gọn gàng sau khi chơi.
96	MT 96: Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước: + Biết tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng + Biết sử dụng nước vừa đủ và tắt vòi nước khi không sử dụng - Biết ăn hết thức ăn khẩu phần của mình và nhắc nhở bạn cùng thực hiện.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
97	MT 97: Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe: + Âm thanh gợi cảm, sôi động, trầm lắng + Các bài hát, bản nhạc vui, buồn + Ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	MT 98: Chăm chú lắng nghe và hưởng	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).

98	ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	+ Hưởng ứng hát theo + Nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp. - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc - Nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện phù hợp độ tuổi.
99	MT 99: Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về: + Về màu sắc + Về hình dáng + Về bố cục của các tác phẩm nghệ thuật.
100	MT 100: Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	+ Hát đúng giai điệu, lời ca phù hợp với độ tuổi. + Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ.
101	MT 101: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. + Vỗ tay theo tiết tấu nhanh, chậm, + Vỗ tay theo nhịp, theo phách.. + Vận động múa minh họa theo nội dung bài hát.
102	MT 102: Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tại địa phương để sáng tạo thành sản phẩm theo ý thích.
103	MT 103: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố	- Phối hợp các kỹ năng vẽ: nét cong, nét xiên, nét gấp khúc... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.

	cục cân đối.	
104	MT 104: Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng cắt thẳng, cắt lượn, cắt cong, xé dải, xé vụn và dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục.
105	MT 105: Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng nặn như làm lõm, bẻ loa, gắn nổi, dần mỏng, ấn bẹt...để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét và bố cục. - Trẻ chọn nguyên vật liệu phù hợp và sử dụng các kĩ năng để in, khắc, đắp...tạo thành sản phẩm theo ý thích.
106	MT 106: Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng xếp hình như xếp cạnh, xếp chồng, xếp cách, xếp đan xen, xếp với nhiều cách sáng tạo có cấu trúc phức tạp, kiểu dáng đẹp, kích thước và tỉ lệ phù hợp để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Sử dụng, lựa chọn các hoạ tiết, hình mảng, màu sắc phù hợp để trang trí, cách điệu tạo thành sản phẩm.
107	MT 107: Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc hình dáng/ đường nét và bố cục. - Chia sẻ, đưa ra ý kiến của mình qua sản phẩm của mình, của bạn
108	MT 108: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
109	MT 109: Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày theo cách riêng (như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, có lời nói /cử chỉ lịch sự /nhân ái...) (CS 63).	- Trẻ biết tạo cái đẹp trong không gian sống qua việc sắp xếp, trang trí, làm đồ vật. - Trẻ thể hiện cái đẹp trong hành vi ứng xử: lời nói, cử chỉ lịch sự, nhân ái. - Trẻ có sự sáng tạo, tự tin, và niềm vui khi tạo ra cái đẹp.
110	MT 110: Gõ đệm bằng dụng cụ theo	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu (nhANH, CHẬM, PHỐI HỢP).

	tiết tấu tự chọn.	
111	MT 111: Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
112	MT 112: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình. - Biết giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn

*** Dự kiến các chủ đề trong năm**

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian tiến hành Lễ hội & sự kiện
Chủ đề 1: Trường Mầm Non	3	- Trường mầm non Sơn Ca của bé - Lớp học của bé - Đồ dùng, đồ chơi trong trường mầm non	Từ 08/09 - 26/09/2025 Ngày hội đến trường của bé
Chủ đề 2: Bản Thân	3	- Bé là ai? - Bé có gì trên cơ thể - Nhu cầu của bé	Từ 29/09 - 17/10/2025 Tết trung thu Ngày PNVN
Chủ đề 3: Gia đình	4	- Gia đình của bé - Ngôi nhà gia đình của bé - Đồ dùng trong gia đình - Nhu cầu của gia đình bé	Từ 20/10 - 14/11/2025
Chủ đề 5: Nghề Nghiệp	4	- Một số nghề phổ biến trong xã hội - Nghề sản xuất - Nghề dịch vụ - Bé yêu cô giáo	Từ 17/11 - 12/12/2025 Mừng ngày nhà giáo VN
Chủ đề 4: Động vật	4	- Vật nuôi trong gia đình - Động vật sống trong rừng - Động vật sống dưới nước - Côn trùng và chim	Từ 15/12 - 9/01/2026 Ngày thành lập QĐNDVN Tết dương lịch
Chủ đề 6: Thực vật	4	- Bé yêu cây xanh - Tết và mùa xuân - Một số loại rau, củ, quả - Cây lương thực	Từ 12/01 - 06/02/2026 Tết nguyên đán
Chủ đề 7: Giao thông	4	- Phương tiện giao thông đường bộ - Phương tiện giao thông đường thủy - PTGT đường hàng không, đường sắt	Từ 09/02 - 13/03/2026 Ngày QTPN 8/3

		- Bé với luật lệ giao thông	
Chủ đề 8: HTTN	3	- Hiện tượng tự nhiên - Các mùa trong năm - Nước, đất, đá, cát, sỏi	Từ 16/03 - 3/04/2026 Giỗ tổ Hùng Vương
Chủ đề 9: QH- ĐNBH	4	- Đất nước Việt Nam diệu kỳ - Gia nghĩa của bé - Tây nguyên mến yêu - Bác Hồ kính yêu	Từ 6/04 - 01/05/2026 Quốc tế lao động 1/5 - Giải phóng miền nam 30/4
Chủ đề 10: Trường tiểu học	2	- Trường tiểu học của bé - Bé chuẩn bị vào lớp 1	Từ 04/05 - 15/05/2026 Mừng sinh nhật Bác
Tổng: 10 chủ đề - Xây dựng 35 tuần			

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của lớp Lá 2, trường mầm non Sơn Ca năm học 2025 - 2026. Trong quá trình thực hiện có thể thay đổi, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với thực tế của lớp./.

DUYỆT CỦA CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM



Huỳnh Thị Lệ Duyên

Trần Thị Bích Phương

Nguyễn Thị Kim Lộc

